

DANH DÁCH THI TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/04/2025

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	PHÒNG THI
1	22211OT4325	CD22OT21	Nguyễn Quang	Huy	15/04/2004	Phú Yên	B103B
2	22211LG2700	CD22LG4	Nguyễn Hoàng	Huy	03/11/2004	Phú Yên	B103B
3	23211LG2879	CD23LG3	Trần Gia	Huy	20/09/2005	Đồng Nai	B103B
4	22211TM4843	CD22TM1	Phạm Quốc	Huy	09/06/1998	Hải Phòng	B103B
5	22211DH3245	CD22DH5	Vũ Văn Nghĩa	Huy	01/12/2002	Bắc Giang	B103B
6	21211DH0569	CD21DH1	Nguyễn Ngọc	Huyền	01/02/2002	TP. HCM	B103B
7	22211OT0679	CD22OT1	Trần Lê	Huỳnh	25/04/2004	Cà Mau	B103B
8	22211OT4026	CD22OT18	Đặng Trường	Kha	17/10/2004	Bình Thuận	B103B
9	20211OT3900	CD20OT1	Phạm Kinh	Kha	24/01/2002	Sóc Trăng	B103B
10	22211OT2895	CD22OT11	Trần Phúc	Khải	24/09/2004	Đồng Nai	B103B
11	22211DK1072	CD22DK1	Phan Văn	Khải	01/07/2004	Bình Định	B103B
12	22211OT3438	CD22OT14	Nguyễn Xuân	Khang	30/03/2004	Bình Định	B103B
13	20211OT3945	CD20OT7	Nguyễn Duy	Khanh	01/01/2002	Bình Thuận	B103B
14	22211CK3084	CD22CK3	Trịnh Quốc	Khánh	11/11/2003	Đắk Lắk	B103B
15	22211QT1668	CD22QT1	Trần Văn	Khánh	24/05/2004	Kon Tum	B103B
16	22211TM2012	CD22TM1	Trần Việt	Khánh	13/02/2004	Bình Định	B103B
17	22211KD1577	CD22KD1	Nguyễn Gia	Khánh	13/04/2004	TP. HCM	B103B
18	20211QT4118	CD20QT4	Trương Duy	Khánh	04/04/1999	Bình Thuận	B103B
19	22211TT1806	CD22TT3	Hoàng Đức	Khiêm	23/06/2004	Đồng Nai	B103B
20	19211CT2762	CD19CT2	Võ Văn Minh	Khiếu	10/06/2001	Quảng Ngãi	B103B
21	22211OT1448	CD22OT8	Nguyễn Đăng	Khoa	12/06/2004	Bình Định	B103B
22	18211OT1058	CD18OT10	Trần Đăng	Khoa	27/08/2000	Đắk Lắk	B103B
23	22211OT3478	CD22OT15	Nguyễn Huỳnh Nhật	Khoan	24/04/2004	Bình Thuận	B103B
24	21211OT4525	CD21OT17	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	07/03/2003	Đồng Nai	B103B
25	22211DC1956	CD22DC1	Võ Đình	Khôi	31/10/2004	BR-VT	B103B
26	19211OT3600	CD19OT7	Phạm Lê Nguyên	Khôi	26/12/2001	Đồng Nai	B103B
27	22211DK4596	CD22DK2	Nguyễn Đăng	Khôi	20/09/2002	Đồng Nai	B103B
28	22211OT4262	CD22OT21	Trương Văn	Khuong	13/12/2004	Đắk Lắk	B103B
29	22211CD1725	CD22CD1	Lê Minh	Kiệt	12/12/2004	Bình Định	B103B
30	22211OT3103	CD22OT12	Nguyễn Văn	Kiệt	27/10/2004	Bình Định	B103B
31	22211TT3012	CD22TT6	Hàn Trung	Kỳ	28/09/2004	Quảng Ngãi	B103B
32	21211NH2367	CD21NH1	Nguyễn Thị Nhật	Lan	20/04/2003	Sóc Trăng	B103B
33	24211OT1567	CD24OT4	Dương Thiên	Lân	08/01/2006	Sóc Trăng	B103B
34	23211DC0043	CD23DC1	Nguyễn Thành	Lễ	03/09/2001	BR-VT	B103B
35	22211LG0300	CD22LG4	Nguyễn Thị	Lệ	07/06/2003	Quảng Ngãi	B103B
36	22211NH2848	CD22NH1	Nguyễn Thị Thúy	Liều	18/05/2004	Bình Định	B103B

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	PHÒNG THI
37	23211MK3536	CD23MK3	Trương Thị Bích	Liều	12/10/2005	Bình Định	B103B
38	22211KS0310	CD22KS1	Nguyễn Thị Yên	Linh	21/01/2001	Đồng Nai	B103B
39	20211LH0722	CD20LH1	Nguyễn Thị Nhất	Linh	24/02/2000	TP. HCM	B103B
40	23222KT0007	CDLT23KT1	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	09/08/1987	TP. HCM	B103B
41	22211NH3489	CD22NH2	Huỳnh Nguyễn Bích	Loan	30/06/2002	Quảng Ngãi	B103B
42	22211OT0965	CD22OT3	Phạm Quốc	Lộc	15/04/2004	Bình Phước	B103B
43	22211CD0841	CD22CD1	Đào Phước	Lộc	21/09/2004	Đồng Tháp	B103B
44	22211DC0933	CD22DC1	Phạm Văn	Lộc	21/03/2004	Bình Định	B103B
45	20211OT2940	CD20OT6	Nguyễn Hữu	Lợi	22/05/2001	Ninh Thuận	B103B
46	22211OT1340	CD22OT6	Tạ Văn	Lợi	09/01/2004	Quảng Ngãi	B103B
47	23211DD0265	CD23DD1	Nguyễn Văn	Lợi	16/05/2004	Bình Định	B103B
48	22211DH3371	CD22DH5	Bùi Thanh	Long	30/03/2003	TP. HCM	B103B
49	23211LG3419	CD23LG3	Quăng Đại	Long	15/09/2005	Ninh Thuận	B103B
50	22211DK3523	CD22DK2	Trương Việt	Long	08/12/2001	Hà Tĩnh	B103B